

Nội dung bài viết

1. [Hoạt động cơ bản - Khái niệm số thập phân Toán VNEN lớp 5](#)
2. [Hoạt động thực hành - Khái niệm số thập phân Toán lớp 5 VNEN](#)
3. [Hoạt động ứng dụng - Khái niệm số thập phân Toán 5 VNEN](#)

Hoạt động cơ bản - Khái niệm số thập phân Toán VNEN lớp 5

Câu 1 (Trang 48 Toán 5 VNEN Tập 1): Chơi trò chơi "Đố bạn":

- a. Quan sát hình ảnh dưới đây (sgk)
- b. Em đố bạn đọc các kí hiệu 0,2l; 0,5kg; 0,5l có trong các hình vẽ trên

Lời giải chi tiết:

0,2l đọc là: Không phẩy hai lít

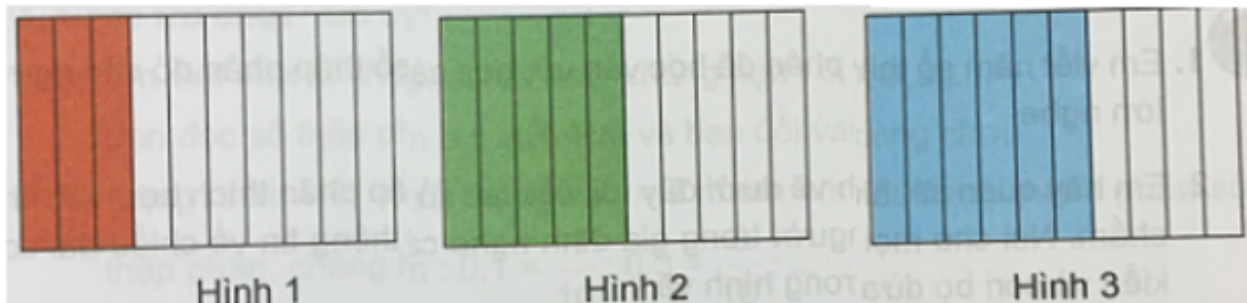
0,5kg đọc là: Không phẩy năm ki lô gam

0,5l: Không phẩy năm lít.

Câu 2 (Trang 49 Toán 5 VNEN Tập 1): Thực hiện lần lượt các hoạt động sau: (sgk)

Câu 3 (Trang 49 Toán 5 VNEN Tập 1):

- a. Viết các phân số thập phân chỉ phần đã tô màu trong các hình vẽ sau:



- b. Viết các phân số thập phân ở phần (a) thành số thập phân rồi đọc các số thập phân đó.

Lời giải chi tiết:

- a. Các phân số thập phân chỉ phần đã tô màu trong các hình vẽ trên là:

Hình 1: $\frac{3}{10}$;

Hình 2: $\frac{5}{10}$;

Hình 3: $\frac{6}{10}$.

b. Viết các phân số thập phân ở phần (a) thành số thập phân rồi đọc

$$\frac{3}{10} = 0,3 \quad \frac{5}{10} = 0,5 \quad \frac{6}{10} = 0,6$$

Hoạt động thực hành - Khái niệm số thập phân Toán lớp 5 VNEN

Câu 1 (Trang 50 Toán 5 VNEN Tập 1):

a. Đọc mỗi số thập phân sau:

0,2 0,8 0,5 0,1 0,9

b. Viết mỗi số thập phân sau:

Không phải một, không phải sáu, không phải bảy, không phải ba.

Lời giải chi tiết:

a. Đọc mỗi số thập phân sau:

0,2: Không phải hai

0,8: Không phải tám

0,5: Không phải năm

0,1: Không phải một

0,9: Không phải chín.

b. Viết mỗi số thập phân sau:

Không phẩy một: 0,1

không phẩy sáu: 0,6

không phẩy bảy: 0,7

không phẩy ba: 0,3

Câu 2 (Trang 50 Toán 5 VNEN Tập 1): Viết (theo mẫu):

a. $\frac{4}{10}$ b. $\frac{9}{10}$ c. $\frac{3}{10}$ d. $\frac{5}{10}$

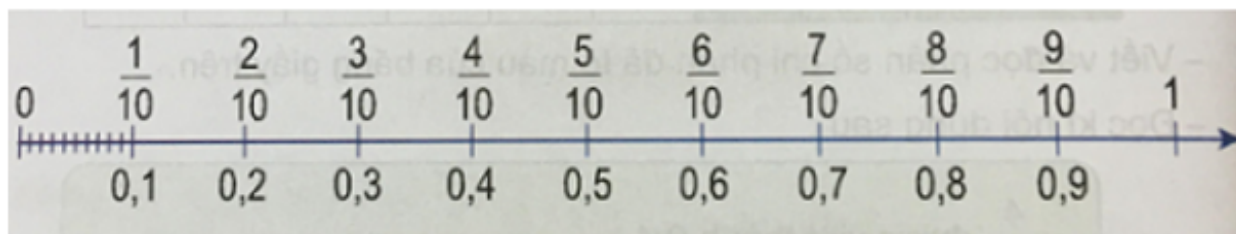
Lời giải chi tiết:

a. $\frac{4}{10} = 0,4$ b. $\frac{9}{10} = 0,9$

c. $\frac{3}{10} = 0,3$ d. $\frac{5}{10} = 0,5$

Câu 3 (Trang 50 Toán 5 VNEN Tập 1):

- Đọc các phân số thập phân và số thập phân trên các vạch của tia số:



Lời giải chi tiết:

Phân số thập phân	Đọc	Số thập phân	Đọc
-------------------	-----	--------------	-----

$\frac{1}{10}$	Một phân mười	0,1	Không phải một
$\frac{2}{10}$	Hai phân mười	0,2	Không phải hai
$\frac{3}{10}$	Ba phân mười	0,3	Không phải ba
$\frac{4}{10}$	Bốn phân mười	0,4	Không phải bốn
$\frac{5}{10}$	Năm phân mười	0,5	Không phải năm
$\frac{6}{10}$	Sáu phân mười	0,6	Không phải sáu
$\frac{7}{10}$	Bảy phân mười	0,7	Không phải bảy
$\frac{8}{10}$	Tám phân mười	0,8	Không phải tám
$\frac{9}{10}$	Chín phân mười	0,9	Không phải chín

Hoạt động ứng dụng - Khái niệm số thập phân Toán 5 VNEN

Câu 1 (Trang 50 Toán 5 VNEN Tập 1):

- Em viết năm số thập phân đã học vào vở, đọc các số thập phân đó cho người lớn nghe.

Lời giải chi tiết:

- Em viết năm số thập phân đã học:

0,5: Không phải năm

0,8: Không phải tám

0,3: Không phải ba

0,4: Không phải bốn

0,7: Không phải bảy.

Câu 2 (Trang 50 Toán 5 VNEN Tập 1):

- Em hãy quan sát hình vẽ dưới đây rồi viết các số thập phân thích hợp vào chỗ chấm. Nói cho mọi người trong gia đình nghe các thông tin về chiều dài kiến và con bọ dùa trong hình vẽ.

Chiều dài của con kiến là $\frac{8}{10}$ cm, ta viết thành ... cm.

Chiều dài của con bọ dùa là $\frac{9}{10}$ cm, ta viết thành ... cm.

Lời giải chi tiết:



Chiều dài của con kiến là $\frac{8}{10}$ cm, ta viết thành 0,8 cm.



Chiều dài của con bọ dứa là $\frac{9}{10}$ cm, ta viết thành 0,9 cm.